

CÔNG TY ĐIỆN LỰC SƠN LA
PHÒNG ĐIỀU ĐỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Sơn La, ngày 30 tháng 9 năm 2026

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TUẦN 39
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH TUẦN 40**

I. Thông số vận hành hệ thống :

a. Công suất sản lượng hệ thống

Thông số	A max ngày (MWh)	A min ngày (MWh)	P max ngày (MW)	P min ngày (MW)	A Tuần	A lũy kế	Sản lượng		
							Nhận HT	Nhận TĐ	Nhận ĐMT
Toàn tỉnh	3122,0	2977,8	223,1	80,8	21236,0	798008,2			
Ngành điện	2985,2	2867,0	222,8	75,2	20604,7	768880,2	8357,5	9282,1	1105,7
Tuần 38/2026	2812,4	2689,3	219,1	69,9	19183,5	748275,5	7185,2	9798,8	715,5
SST 39/38	6,1%	6,6%	1,7%	7,7%	7,4%	2,8%	16,3%	-5,3%	54,5%
Tuần 39/2025	2856,9	2588,1	203,1	75,0	18995,5	738491,5	8199,5	8379,1	726,5
SS Cùng kỳ	9,3%	15,1%	9,9%	7,7%	8,5%	4,1%	1,9%	10,8%	0,0%

Công suất sản lượng thủy điện

HTĐ	Chiềng Ngâm		Sơ Vin		Tổng các TĐ nhỏ	
	Tuần	Lũy kế	Tuần	Lũy kế	Tuần	Lũy kế
A tuần (MWh)	328,6	7350,9	430,7	6029,4	15213,1	353248,8
Pmax (MWh)	1,8		2,8		111,5	
P min (MW)	1,2		1,8		49,5	

b. Công suất sản lượng A17.47 Sơ Vin

Tuần	A tuần (MWh)	Amax (MWh)	Amin (MWh)	Pmax(MW)	Pmin(MW)	A lũy kế (MWh)
38	397,7	67,2	37,7	2,8	0,5	5598,7
39	430,7	67,2	46,9	2,8	1,8	6029,4

c. Công suất sản lượng NMTĐ Chiềng Ngâm

Tuần	A tuần (MWh)	Amax (MWh)	Amin (MWh)	Pmax(MW)	Pmin(MW)	A lũy kế (MWh)
38	326,9	47,4	45,1	1,8	0,5	7022,3
39	328,6	47,4	46,0	1,8	1,2	7350,9

II. Cắt điện công tác TUẦN 39

Trong tuần thực hiện 64 công việc, trong đó cắt điện kế hoạch 39 vụ; công tác hotline 25 (24 vụ theo kế hoạch, 01 vụ đột xuất). Chi tiết phụ lục I đính kèm. Cụ thể như sau:

- Công tác 110kV: 02 vụ kế hoạch.

- Cắt điện trung áp 37 vụ, cụ thể như sau:

+ Mộc Châu - Vân Hồ: 11 vụ kế hoạch.

+ Mai Sơn - Yên Châu: 05 vụ kế hoạch.

+ Mường La: 05 vụ kế hoạch.

+ Phù Yên - Bắc Yên: 03 vụ kế hoạch.

+ Sông Mã - Sốp Cộp: 02 vụ kế hoạch.

+ Thuận Châu - Quỳnh Nhai: 10 vụ kế hoạch.

+ Tô Hiệu: 01 vụ kế hoạch.

- Công tác hotline tại các Điện lực: 25 vụ (24 vụ kế hoạch, 01 vụ đột xuất), cụ thể như sau:

+ Mộc Châu - Vân Hồ: 18 vụ (17 vụ kế hoạch, 01 vụ đột xuất) .

+ Mai Sơn - Yên Châu: 02 vụ.

+ Mường La: 02 vụ.

+ Tô Hiệu: 03 vụ.

- Chuyển phương thức cấp điện: Trong tuần thực hiện 04 vụ chuyển phương thức cấp điện từ các lộ đường dây trung áp khi công tác trên lưới điện.

Đơn vị	Thời gian		ĐTC cắt điện kế hoạch		ĐTC CCD Sự cố			ĐTC CCD lưới điện phân phối		
			Saifi	Saifi	Maifi	Saifi	Saifi	Maifi	Saifi	Saifi
Công ty	Tuần	Tuần 39	55,05	0,29	0,33	2,90	0,03	0,03	17,53	0,15
	Tháng	Thực hiện tháng 9	112,24	0,54	1,61	7,88	0,13	0,13	62,81	0,43
		KH tháng 9	180,59	1,95	4,60	36,79	0,82	0,75	63,08	2,53
		So sánh TH/KH %	62,2%	27,7%	35,1%	21,4%	16,3%	17,9%	99,6%	16,8%
		Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	Lũy kế năm	Lũy kế	795,62	5,84	25,53	240,11	2,81	1,69	160,81	1,25
		KH năm	1264,01	15,97	28,51	269,02	3,50	2,25	192,59	4,10
		So sánh TH/KH %	62,9%	36,6%	89,5%	89,3%	80,3%	75,2%	83,5%	30,4%
		Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	Tô Hiệu	Tháng	Thực hiện tháng 9	62,36	0,16	0,11	2,85	0,08	0,02	4,77
KH tháng 9			340,27	2,26	3,09	37,71	0,62	0,19	59,71	0,54
So sánh TH/KH %			18,3%	7,1%	3,5%	7,6%	12,8%	8,9%	8,0%	14,7%
Đánh giá			Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Lũy kế		Lũy kế	533,30	2,61	6,92	63,13	1,35	0,49	114,87	0,76
		KH năm	1014,17	4,11	5,77	97,99	1,52	0,66	186,27	1,30

	năm	So sánh TH/KH %	52,6%	63,6%	119,9%	64,4%	88,8%	73,6%	61,7%	58,5%
		Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

III. Lưu ý vận hành TUẦN 40

1. Công tác đảm bảo, ưu tiên cấp điện, thông báo ngừng cấp điện.

2. Công tác giảm suất sự cố và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện.

3. Đăng kí cắt điện kế hoạch:

Phối hợp cùng các Điện lực thực hiện theo kế hoạch như sau:

- Cắt điện lưới 110kV: 00 vụ.

- Cắt điện lưới trung áp 22 vụ, Điện lực MS-YC: 02 vụ; Điện lực Mường La: 05 vụ; Điện lực PY-BY: 03 vụ; Điện lực SM-SC: 02 vụ; Điện lực TC-QN: 07 vụ; ĐL Tô Hiệu: 02 vụ. XNLD CT: 01 vụ

Vệ sinh, Thi Công hotline, PD thiết bị, lắp SCV; đấu nối TBA 15 vụ: Điện lực MC-VH: 06 vụ. Điện lực TC-QN: 02 vụ. ĐL Tô Hiệu 07 vụ.

Chi tiết tại phụ lục II đính kèm.

4. Kế hoạch huy động thủy điện nhỏ thuộc quyền điều khiển

Thủy điện	Sản lượng tuần (MWh)	Pmax (MW)	Pmin (MW)
Chiềng Ngâm	302,4	1,8	1,8
A17.7	2217,6	13,2	13,2
A17.8	403,2	2,4	2,4
A17.9	336	2	2
A17.17	122,5	1	0
A17.18	1344	8	8
A17.19	0	0	0
A17.20	2150,4	12,8	7
A17.26	840	5	5
A17.32	604,8	3,6	3,6
A17.40	672	4	4
A17.42	252	1,5	1,5
A17.43	1209,6	7,2	7,2
A17.47	182,8	1,4	0,5
A17.48	1008	8	0
A17.49	403,2	2,4	2,4
A17.51	168	1	1
A17.53	840	5	5
A17.54	1008	6	6
A17.59	785,4	6,6	0
A17.61	2016	12	12
A17.64	602	3,6	3,6
Tổng	17467,9	108,5	86,2

IV. THÔNG SỐ VẬN HÀNH ĐƯỜNG DÂY VÀ PHÂN ĐOẠN

1. Thông số các xuất tuyến

STT	TRẠM	Đ/D	P(MW) (Có thủy điện)		P(MW) (Phụ tải thực tế)		Q (Mvar)	
			Max	Min	Max	Min	Max	Min
1	E17.1	372	1,9	-6,0	4,7	1,5	0,1	-0,6
		374	-1,2	-6,8	8,1	2,5	0,6	-0,3
		376	3,6	1,1	7,2	4,6	0,3	-0,5
		472	-0,2	-3,2	5,8	2,8	0,7	-0,4
		474			4,9	1,6	0,4	0,0
		476			5,6	1,3	0,3	-0,6
		478			4,3	1,4	0,3	-0,3
		471			5,1	1,4	0,4	-0,1
		473			2,2	0,5	0,1	-0,1
2	E17.2	371			1,7	0,5	0,2	-0,2
		373			10,7	-2,9	0,4	-1,6
		374			3,8	1,2	0,1	-0,3
		376			0,7	0,0	0,1	0,1
		378			5,1	1,8	0,5	-0,5
		471			2,4	0,4	0,0	-0,1
		473	4,9	1,4	5,9	2,4	0,0	0,0
		474			1,7	0,7	0,2	-0,1
		476			5,1	1,5	0,1	-0,3
		478			1,5	-3,9	0,7	0,7
3	E17.3	371	1,2	-6,1	2,1	1,0	0,3	-0,5
		375	4,5	-4,3	8,3	1,6	0,1	-0,9
		377			3,4	0,8	0,3	-0,3
		379	3,0	0,8			-0,2	-0,5
		381	-4,1	-5,1			-0,3	-0,6
		373	0,0	0,0			0,0	0,0
		376	0,0	0,0			0,0	0,0
		378	0,0	0,0			0,0	0,0
		673			0,1	0,0	0,0	0,0
4	E17.4	371	1,3	-8,6	3,3	0,6	-0,2	-1,5
		373			6,2	2,1	0,0	-0,5
		375	7,5	1,6	9,3	3,4	0,4	-0,9
		377			2,4	1,0	0,1	0,0
5	E17.5	371			3,2	3,4	0,5	-0,5
		373	-4,4	-10,3	8,7	2,8	0,5	-1,4
		375			8	2	0,6	-0,4
		471			2,9	0,9	0,2	-0,1
		472			1,5	0,5	0,2	0,0
		372	0,0	0,0			0,0	0,0
6	E17.30	371			6,4	1,5	-0,4	-1,0
		373	4,5	-4,7	10,1	3,1	0,1	-1,5
		375	3,8	0,0	8,3	2,9	0,3	-0,7
7	E17.62	371			2,1	0,2	0,1	-0,2
		373			4,8	-2,7	1,0	-0,5

		375			12,4	2,5	1,9	-0,2
		471			1,7	0,1		
		473			1,2	0,3		
8	E17.66	371			6,9	2,0	0,9	-0,2
		373			2,5	-3,0	0,1	-0,7
		375			0,5	0,2	-0,1	-0,2
9	E17.67	371			0,6	0,0	0,0	-0,1
		373			4,5	1,4	0,1	-0,4
		471			0,4	0,0	0,1	0,0
		473			2,2	0,7	0,0	-0,1
		475			2,3	0,7	0,0	-0,1
		477			3,0	1,0	0,1	-0,2

2. Các trạm cắt phân đoạn.

STT	TRẠM	PHÂN ĐOẠN	Giờ cao điểm			Giờ bình thường			Giờ thấp điểm		
			P (KW)	Q (kvar)	Cosφ	P (KW)	Q (kvar)	Cosφ	P (KW)	Q (kvar)	Cosφ
1	E17.1 Mộc Châu	372/92 Chiềng Ve	1244	-17	0,99	688	-72	0,97	386	-89	0,98
		372/104 Bản Chiềng Ve	513	-71	0,96	279	-93	0,96	143	-67	0,94
		372/104 Tân Xuân	491	-89	0,98	303	-74	0,98	197	-64	0,99
		374/63 Phú Khoa	1589	-79	0,98	996	-91	0,97	514	-83	0,97
		374/15A Chiềng Khoa	3996	25	0,98	2269	-128	0,97	1451	-167	0,96
		374/8 Bản Đạo	794	-114	0,98	560	-90	0,96	253	-90	0,97
		374/115 Co Súc	843	-92	0,98	547	-123	0,95	332	-93	0,96
		374/9 Mường Tè	802	-141	0,97	493	-80	0,96	336	-109	0,99
		471/105 Tiểu Khu 9	1076	-147	0,98	645	-59	0,97	289	-81	0,97
		472/91 Lóng Luông	1187	-87	0,99	667	-103	0,98	444	-72	0,97
		472/5 Bản Bon	592	-114	0,98	398	-84	0,97	176	-107	0,97
		473/106 Hang Dơi	1639	-118	0,98	982	-85	0,98	616	-59	0,97
		476/76B Pa Khen	2875	-117	0,98	2043	-99	0,96	958	-135	0,97
		478/3C TK 19/8	2273	-121	0,97	1786	-106	0,98	937	-137	0,98
2	E17.2 Sơn La	378/40 NBMS	3919	107	0,98	3269	143	0,97	2344	95	0,96
		378/43/8 Bản Thẳm	245	-76	0,97	184	-93	0,96	151	-86	0,99

		382/30 NBMS	7817	-81	0,96	5404	-126	0,98	3268	-161	0,97
		382/52/47 Nhà Tre	1802	-154	0,98	1142	-121	0,97	816	-155	0,98
		382/3 Hìn Đón	477	-132	0,91	340	-68	0,86	197	-141	0,66
		382/3 Nhà Ốt	1064	-129	0,98	760	-91	0,96	427	-96	0,96
		471/111 Tiểu Khu 1	1270	-89	0,97	1239	-96	0,99	765	-95	0,96
3	E17.3 Mường La	371/2 Bản Tìn	- 14210	200	0,96	- 14312	241	0,95	- 14116	309	0,96
		371/77 Bản Nong	1057	-89	0,99	802	-85	0,97	750	-105	0,98
		371/140 Noong Quang	438	-142	0,96	280	-62	0,9	190	-51	0,85
		375/10 Bản Búng	404	-57	0,94	252	-82	0,76	176	-68	0,96
		375/106/35 Bản Sang	1173	-183	0,97	819	-102	0,97	495	-83	0,96
		375/157 Bản Hụn	833	-137	0,99	583	-95	0,97	418	-92	0,97
		375/184 Sao Va	455	-62	0,89	352	-71	0,86	171	-60	0,87
		375/3 Huổi Pháy	857	-140	0,97	652	-107	0,99	505	-141	0,93
		378/165 Pắc Ngà	605	-109	0,97	419	-158	0,95	255	-135	0,92
		377/28 Hua Nậm	1640	-110	0,96	973	-78	0,97	813	-148	0,99
		377/103 Bản Kê	834	-73	0,95	596	-59	0,96	403	-73	0,98
		377/60 Hua Ít	1219	-44	0,99	958	-43	0,98	682	-52	0,97
		377/2 Huổi Phăng	775	-89	0,97	519	-110	0,98	372	-121	0,97
4	E17.4 Thuận Châu	371/6 Bản Hóm	496	-97	0,97	341	-122	0,95	179	-107	0,96
		371/97 Hua Ty	1991	-118	0,96	1154	-95	0,97	1019	-79	0,99
		371/126 Nong Vai	1188	-115	0,97	880	-116	0,99	717	-118	0,98
		371/31 Co Mạ	565	-101	0,95	376	-131	0,97	240	-147	0,97
		371/10 Pha Khuông	467	-102	0,98	307	-136	0,92	172	-106	0,98
		373/3 Bình Thuận	484	-126	0,98	336	-142	0,95	184	-124	0,91
		373/142 Pha	1918	-160	0,98	1291	-77	0,96	651	-105	0,95

		Lao									
		375/64 Ba Nhất	1044	-140	0,97	725	-91	0,98	525	-85	0,95
		375/124 Bản lào	4823	-159	0,97	3695	-146	0,95	1785	-156	0,94
		375/285 Bản Đông	2607	-192	0,97	2008	-104	0,98	1249	-144	0,97
		375/5 Bản Ca	909	-172	0,97	550	-77	0,98	402	-142	0,96
		375/381 Phiêng Lanh	1884	-75	0,97	1321	-104	0,96	876	-142	0,95
		375/480 Bản Cút	867	-177	0,96	544	-172	0,89	319	-189	0,92
		375/4 Co Lúu	466	-110	0,78	293	-137	0,73	217	-110	0,72
		375/4 Hua Cầu	594	-126	0,95	432	-153	0,85	375	-72	0,86
5	E17.5 Phù Yên	371/1 Bản Pa Liên Lạc	2966	-177	0,98	2475	-137	0,97	1917	-130	0,97
		371/128 Suối Nhào	533	-61	0,96	335	-69	0,92	296	-150	0,89
		371/406 Bản Nhèm	454	-81	0,95	304	-107	0,83	222	-108	0,73
		371/1 Đồng Mã	420	-147	0,95	261	-68	0,85	207	-43	0,76
		373/101 Bản Mòn	4849	-209	0,97	4024	-129	0,96	2925	-214	0,97
		373/2 Tiểu Khu 1	412	-134	0,98	340	-91	0,88	246	-85	0,63
		373/107 Xím Vàng	465	-94	0,82	331	-25	0,95	187	-86	0,74
		373/1 Háng Đồng	337	-138	0,93	235	-62	0,82	194	-136	0,56
		373/255 Bản Khoa	795	-84	0,98	494	-69	0,94	318	-104	0,95
		373/221 Suối Song	625	-105	0,95	364	-128	0,83	238	-102	0,81
		373/8 Tiểu Khu 2	1476	-155	0,99	1132	-63	0,97	703	-61	0,97
		373/7 Tà Đò	532	-105	0,93	421	-120	0,79	294	-92	0,72
		375/124 Bản Ban	2097	-65	0,97	1426	-76	0,98	911	-82	0,97
		375/9 Bơm Nước	557	-67	0,95	338	-105	0,95	316	-76	0,93
		375/453/6 Bản Cải	2121	-100	0,98	1584	-118	0,95	858	-88	0,97
		375/391 Mường Do	1390	-178	0,98	891	-152	0,95	522	-99	0,86
6	E17.30	371/122	1342	-120	0,98	761	-116	0,93	436	-178	0,85

	Sông Mã	Sở Pỏi									
		371/53/167A Mường Lạn	558	-149	0,97	307	-97	0,94	170	-91	0,62
		371/159 Bản Bánh	533	-117	0,9	289	-151	0,71	182	-73	0,56
		371/5 Bản Khá	487	-68	0,92	290	-108	0,89	203	-91	0,63
		373/4 Bang Búng	425	-159	0,94	292	-91	0,83	260	-80	0,62
		373/108 Nà Nghịu	4229	-189	0,97	3980	-170	0,96	2916	-121	0,97
		373/2 Phiêng Đồn	2633	-179	0,99	2208	-168	0,98	1688	-128	0,96
		373/1 Bản Nầu	589	-150	0,98	400	-172	0,94	317	-169	0,92
		373/67 Mường Lằm	1255	-163	0,96	767	-163	0,96	553	-134	0,89
		375/152 Bản Nhạp	4285	-189	0,97	3420	-155	0,98	2872	-149	0,96
		375/289 Bản Pục	845	-113	0,96	577	-155	0,95	221	-108	0,8
7	E17.62 Mai Sơn	373/77/6 Tinh Bột Sắn	1692	-127	0,99	1274	-88	0,96	804	-166	0,97
		375/104/8 Bản Lếch	8456	-125	0,99	5302	-50	0,97	3369	-101	0,98
		375/115/3 Cò Nòi	2222	-162	0,98	1450	-131	0,96	659	-132	0,96
		375/8/21 Nà Bó	1438	-144	0,98	771	-160	0,97	515	-88	0,96
		375/8/165 Pắc Ngà	601	-107	0,97	373	-46	0,94	235	-34	0,96
8	E17.66 Yên Châu	373/5 Tô Buông	551	-154	0,97	359	-73	0,93	196	-62	0,84
		373/107 Tà Làng 1	2700	-218	0,98	2010	-79	0,97	1296	-155	0,96
		373/3 Hát Sét	466	-106	0,90	252	-115	0,71	207	-92	0,69
		371/4 Ban Đán	1631	-193	0,98	1013	-134	0,95	648	-128	0,94
9	E17.67 Sơn La 2	373/68 Phiêng Tam	2300	-142	0,97	1605	-140	0,99	1158	-129	0,96
		373/35/3 Chiềng Cọ	692	-96	0,99	585	-116	0,94	397	-98	0,96
		373/35/3 Chiềng Đen	1116	-145	0,99	902	-153	0,98	617	-87	0,97

Phụ lục I
CHI TIẾT CẮT ĐIỆN TRONG TUẦN 39

STT	Công tác	Giờ dự kiến		Giờ thực hiện		Ngày bắt đầu	Đơn vị	Nội dung	Ghi chú
		Bắt đầu	Kết Thúc	Bắt đầu	Kết Thúc				
1	Tách đ/d 372 E17.1 Mộc Châu từ DCL 372-7/49/1 Nà Ngà → TBA Nà Ngà 2	7:20	16:30	7:17	11:55	21/9/26	Mộc Châu	- Thay xà, lắp đặt đầu nối LBS và phụ kiện tại VT 49/2.(DA năm 2026)	KH
2	Tách đ/d PĐ 372/58/25 Nà Lùn từ DCL 372-1/58/25 Nà Lùn → TBA Căng Ty	7:25	16:30	7:47	12:36	21/9/26	Mộc Châu	- Lắp đặt LBS, DCL và phụ kiện (MXD) tại VT 58/132/1 . (DA năm 2025	KH
3	Đ/d 474 E17.1 Mộc Châu →Tây Tiến	7:30	17:30	9:37	16:27	21/9/26	Mộc Châu	Vệ sinh cách điện Hotline: - Từ VT 01- VT 09, nhánh rẽ từ VT 12/5 - VT 12/10 và các TBA: Trại 1 (VT 04), Xưởng Sửa (VT 07), Trường 84 (VT 7/3), Trại 77 (VT 11), Xi Măng (12/5), Bản Bun (VT12/10)	Hotline
4	Đ/d PĐ 476/167 Tân Hợp → TBA Pơ Nang 2.	7:30	12:30	14:33	17:10	21/9/26	Mộc Châu	Thi công Hotline: Thay xà, lắp đặt đầu nối DCL, LBS và phụ kiện tại VT 213/5/1.	Hotline
5	Đ/d PĐ 476/82 Pa Khen → Tân Lập → Tân Hợp.	7:35	13:00	9:03	10:18	21/9/26	Mộc Châu	Thi công Hotline: Thay xà, lắp đặt đầu nối LBS và phụ kiện tại VT 93/2.	Hotline
6	Đ/d 476 E17.1 Mộc Châu → Tân Lập → Tân Hợp.	13:30	17:30	7:51	10:56	21/9/26	Mộc Châu	Thi công Hotline: Thay xà, lắp đặt đầu nối DCL, LBS và phụ kiện tại VT 42/1.	Hotline
7	đ/d từ DCL 375-7/16/15 Bản Thon - Bản Chượp	7:15	16:30	7:17	14:45	22/9/26	Phù yên	Di chuyển TBA Bản Chượp VT 16/34 sang VT 16/29; thay cột BTLT từ 12 sang 18 VT 16/29	KH
8	Đ/d 474 E17.1 Mộc Châu →Tây Tiến	7:20	17:30	7:45	18:18	22/9/26	Mộc Châu	Vệ sinh hotline công nghiệp đ/d	hotline
9	PĐ 372/104 Bản Chiềng Ve	7:25	12:30	8:28	12:20	22/9/26	Mộc	Thi công hotline thay xà đầu nối	hotline

	- TBA Cửa Khẩu						Châu	LBS LBS 372-7/126/4 Cò cháy và phụ kiện tại VT 126/4	
10	Đóng LBS 372-7/126/4 Cò cháy vào VH	12:00	12:30	11:47	11:48	22/9/26	Mộc Châu	Đóng LBS 372-7/126/4 Cò cháy vào VH	KH
11	đ/d 372 E17.1 Mộc Châu - TBA Cửa Khẩu	7:30	13:30	8:09	13:10	22/9/26	Mộc Châu	Thi công hotline thay xà đầu nối LBS 372-7/76/4 Sò Lườn và phụ kiện tại VT 76/4	Hotline
12	Tách Đ/d PD 377/28 Hua Nậm từ DCL 377-1/28 Hua Nậm ÷ DCL 377-1/103 Bản Kẽ	7:30	13:00	7:41	17:26	22/9/26	Mường La	Lắp đặt LBS tại các VT 33/30/2; VT 33/64/2; VT 33/68A. Lắp DCL tại các VT 33/29; VT 33/69.	Hotline
13	Đ/d PD 375/480 Bản Cút từ DCL 331-3 TBA Lưu Công Thức - TBA Lưu Công Thức (VT 553/28/1)	8:30	9:30	15:00	15:03	22/9/26	Thuận Châu	Đóng điện TBA Lưu Công Thức 180 kVA vào vận hành	KH
14	Tách Đ/d PD 375/4 Hua Cầu - TBA Huổi Pho	9:30	14:30	10:15	16:33	22/9/26	Thuận Châu	Thay CDPT 375-7/441/79 Bản Bon bằng DCL; lắp LBS; DCL tại VT 441/142	KH
15	Đóng điện Đ/d 371E17.66 Yên Châu từ DCL 371-7/60/6A Bản Thàn - TBA Bản Thàn	9:35	10:00	10:20	10:25	22/9/26	Mai Sơn	Đóng điện Đ/d và TBA Bản Thàn - 180kVA vào vận hành tại VT 60/23.	KH
16	Đ/d 474 E17.1 Mộc Châu → TBA Tây Tiến.	13:30	17:30	7:46	18:18	22/9/26	Mộc Châu	Thi công Hotline: Thay xà, lắp đặt đầu nối LBS và phụ kiện tại VT 20A/2.	Hotline
17	Đóng điện LBS 474-7/20A/2 KM 72	17:00	17:30	17:55	17:58	22/9/26	Mộc Châu	Đóng điện LBS 474-7/20A/2 KM 72 vào vận hành (Đơn vị QLVH gửi BBNT đóng điện trước 02h)	KH
17	Đóng điện LBS 372-7/76/4 Sò Lườn	7:35	17:30	12:43	12:45	22/9/26	Mộc Châu	Đóng điện LBS 372-7/76/4 Sò Lườn vào VH (Đơn vị QLVH gửi BBNT đóng điện trước 02h)	KH
19	Tách PD 373/406 Bản Nhèm từ CDPT 371-1/406 Bản Nhèm → DCL 371-	7:30	12:30	8:07	13:06	23/9/26	Phù Yên	Ngăn ngừa sự cố thay thế 06 quả sứ bị phóng điện, 08 bát sứ PC70, tháo bọc cách điện các vị trí sứ đỡ	KH

	7/345 Co Muồng							từ VT 346 ÷ VT 405	
20	Tách đ/d PD 472/5 Bản Bon từ DCL 472-1/5 Bản Bon → TBA Bản Bứt	7:30	15:30	8:00	12:33	23/9/26	Mộc Châu	- Thi công: Nâng/hạ độ cao phù hợp DCL 472-7/59/1 Piềng Chà, lắp đặt đầu nối LBS và phụ kiện tại VT 83/59/1. (DA nâng cao độ TCCCD năm 2026)	KH
21	Đ/d 472 E17.1 Mộc Châu → TBA K45.	7:30	15:30	8:30	10:08	23/9/26	Mộc Châu	Thi công Hotline: Thay 01 quả sứ VHD 24kV pha B bị phóng điện. Tại VT 61/2.	Hotline
22	Đ/d 474 E17.1 Mộc Châu → TBA Tây Tiến.	7:15	17:30	7:51	17:16	23/9/26	Mộc Châu	Vệ sinh cách điện Hotline: từ VT 20A/8-20A/26 và TBA Hoa Hồng (VT20A/13)	Hotline
23	Tách PD 375/5 Co Lú - TBA Huổi Ngà 2	7:30	17:30	7:26	14:33	23/9/26	Thuận Châu	Di chuyển tuyến đ/d KPBL VT 470/10, 470/12, 470/14. Kết hợp cải tạo đ/d trung thế từ 2 pha lên 3 pha từ VT 470/81/6 - TBA Huổi Ngà 2; Thay MBA 2 pha lên 3 pha	KH
24	Tách PD 377/103 Bản Kẽ từ DCL 377-7/103 Bản Kẽ - DCL 377-7/33/167 Đông Xuông	7:35	17:30	6:55	15:52	23/9/26	Mường La	Lắp đặt LBS tại cả VT 33/141, 33/159/2, 33/166; Lắp DCL tại các VT 33/140, 33/142, 33/165	KH
25	Tách PD 375/480 Bản Cút từ DCL 375-1/553/2 Chiềng Khay - TBA Nậm Tấu	9:30	14:30	9:30	18:25	23/9/26	Thuận Châu	Thay CDPT 375-7/553/7 Có Luông bằng DCL; Lắp LBS, DCL tại vT 553/23	KH
26	Đ/d 476 E17.1 - Tân Lập - Tân Hợp	7:30	9:00	9:00	10:20	23/9/26	Mộc Châu	thi công hotline: Thay sứ pha B VT 10 bị vỡ nguy cơ gây sự cố	Hotline
27	PD 476/82 Pa Khen - Tân Lập - Tân Hợp	9:30	17:30	11:14	17:55	23/9/26	Mộc Châu	thi công hotline: Thay sứ pha B VT 83/2, pha A VT 102, pha A VT 110 bị vỡ nguy cơ gây sự cố	Hotline
28	Khóa F79 đ/d 478 E17.1 Mộc Châu	15:15	16:30	5:06	16:24	23/9/26	Mộc Châu	ĐL Mộc Châu thi công hotline xử lý tiếp xúc đầu cốt pha A., C tại CDPT 478-7/11 UHT nguy cơ sự cố	Hotline (ĐX)
29	Tách đ/d 478 E17.1 Mộc	6:00	15:30	7:05	15:46	24/9/26	Mộc	Tách lèo VT 68 → TBA Đăng	KH

	Châu từ VT tách lều 68 → TBA Đăng Kiểm 2.						Châu	Kiểm 2 PV . - Thi công: Tháo DCL 478-7/73 Chiềng Đi, lắp 02 chụp sắt, lắp đặt đầu nối LBS và phụ kiện tại VT 74. (DA nâng cao độ TCCCD năm 2026)	
30	Tách đ/d 478 E17.1 Mộc Châu từ DCL 478-7/25/2 Đới 70 → TBA Bản Bun 2.	6:00	12:30	7:05	11:41	24/9/26	Mộc Châu	Thay xà, lắp đặt đầu nối LBS và phụ kiện tại VT 25/3 .(DA nâng cao độ TCCCD năm 2026)	KH
31	Tách PD 377/103 Bản Kẽ từ DCL 377-7/33/167 Đông Xuông - DCL 376-7/188-79-18 Mường La	7:30	17:40	7:25	16:12	24/9/26	Mường La	Thay xà, lắp đặt đầu nối LBS và phụ kiện tại các VT 33/174/2; 33/208; thay xà lắp DCL tại các VT 33/207, 33/209	KH
32	Tách đ/d 375 E17.30 từ DCL 375-7/289 Bản Pục - VT tách lều 346 và từ VT tách lều 349 - CDPT 375-7/361 Nà Un	7:35	12:30	7:33	14:03	24/9/26	Sông Mã	ĐL SM-SC công tác theo kế hoạch Đầu lều đ/d VT 346 & 349 sau khi KPBL thi công di chuyển tuyến đ/d từ VT 346 - 349 (MXD) xong.	KH
33	Khóa F79 471 E17.1 Mộc Châu	7:30	11:30	8:35	11:16	24/9/26	Mộc Châu	Thi công hotline xử lý tiếp xúc đầu cực pha A má sau CDPT 471-7/1 TK 19/5 (VT01); Xử lý tiếp xúc đầu cực pha C má sau CDPT 471-1/11/14 Chè Mộc Châu (VT 11/14)	Hotline
34	Tách đ/d PD 375/5 Bản Ca Từ DCL 375-7/21/47 Huổi Mảnh- TBA Ten Che - Pó Ún	9:30	14:40	10:07	15:19	24/9/26	Thuận Châu	ĐL Thuận Châu lắp LBS; DCL tại VT 269/21/54	KH
35	Khóa F79 PD 478/3C Tiểu Khu 19/8	13:30	15:30	13:16	15:29	24/9/26	Mộc Châu	ĐL MC-VH công tác thi công hotline Lắp sứ và phụ kiện, căng dây lầy độ vồng; Đầu nối & đóng điện TBA Khang Nguyên (MXD) tại VT 14/49C/33/1 vào đường dây đang vận hành tại TBA Vạn Xuân (VT 14/49C/33)	Hotline

36	Đ/d 474 E17.1 Mộc Châu → Tây Tiến	7:30	17:30	7:45	16:16	25/9/26	Mộc Châu	Vệ sinh cách điện Hotline: - Từ VT 22 - VT 20A, nhánh rẽ từ VT 20A/27 - VT 20A/34 và các TBA: Trường Giang (VT 20A/34), Trường Dân tộc Nội Trú VT 30), Cấp 3 (VT 32), UB huyện (VT 35).	Hotline
37	Tách đ/d PĐ 375/453/6 Bản Cải Từ CDPT 375-7/493 Bản Bang → Bản Dinh	7:30	12:30	8:08	12:43	25/9/26	Phù Yên	Thay thế 06 quả sứ bị phóng điện, tháo bọc cách điện các vị trí sứ đỡ từ VT 497 ÷ VT 593	KH
38	Tách Đ/d PĐ 377/2 Huổi Phăng từ DCL 377-7/191 Nà Léch ÷ DCL 377-1/238 Phiêng Phả	7:30	17:30	7:22	18:00	25/9/26	Mường La	Lắp đặt MC Recloser tại VT 192; Lắp đặt LBS tại VT 225; Lắp DCL tại các VT 193; VT 226	KH
39	Tách Đ/d PĐ 382/30 NBMS từ LBS 382-7/37/2A Bản Mạt - DCL 374-7/14/47 Trại Bò	8:00	14:00	8:07	15:24	25/9/26	Mai Sơn	PV thi công hotline tách lèo VT 37	Hotline
40	Đ/d PĐ 382/30 NBMS - LBS 378-7/68/5A Xum Lo - CDPT 375-7/361 Nà Un - DCL 382-1/40 Bản Rằm.	8:00	14:00	8:06	15:10	25/9/26	Mai Sơn	Thi công hotline: tách lèo tại VT 37 nhánh rẽ Chiềng Ban 2 phục vụ; Thay CDPT 382-7/37/1 Bản Mạt bằng DCL, (hiện tại đang nổi tắt 3 pha do sự cố). - Thí nghiệm định kỳ BU, BI đo đếm cấp điện TBA bãi đá Kim Thành (VT 37/9/1). - Thay 01 bộ DCL, 03 quả CSV, 03 cụm sứ FCO tại TBA Chiềng Ban 2 (VT 37/26/1A).	KH
41	Đ/d PĐ 377/28 Hua Nặm ÷ MC 377/103 Bản Kề	8:00	17:00	8:36	14:12	25/9/26	Mường La	Thi công hotline: Tách lèo VT 33/30/24/1 nhánh rẽ đi TBA Nong Bảu 1 phục vụ Thay dây dẫn 2 pha lên 3 pha 33/30/24/2 ÷ VT 33/30/24/3 (TBA Nong Bảu 1) Thay MBA từ 2 pha > 3 pha (TBA	Hotline

								Nong Bảu 1). Đơn vị QLVH gửi BBNT đóng điện trước 02h.	
42	Tách MBA T1, ngăn lộ 131,331,C61,631 E17.3 Mường La	0:00	21:00	23:58	20:55	25/9/26	XNLĐCT	Thay tủ điều khiển từ xa MBA T1, cáp nhị thứ và tủ MK 131 , hoàn thiện đấu nối, thí nghiệm, hiệu chỉnh và nghiệm thu hệ thống nhất thứ, nhị thứ, điều khiển, bảo vệ SCADA ngăn lộ 131 và T1 và xử lý khiếm khuyết T1, MC331, C61 và các xuất tuyến 6KV	KH
43	Đóng DCL 374-7/1 LL 373 HB cấp điện đ/d 374 E17.1 Mộc Châu hỗ trợ - MC 371 Ênh - Yên Hòa (Đ/d 376 E10.1 Hòa Bình)	6:00	14:10	6:00	13:27	26/9/26	Mộc Châu	Cấp điện hỗ trợ đ/d 376 E10.1 Hòa Bình (P=2.0 MW) TĐ Đồng Chum và Suối Nhạp dự kiến phát 5 MW vào các khung giờ cao điểm.	KH
44	Tách đ/d PĐ 375/157 Bản Hùn - TBA Huổi Tát	6:30	15:30	6:28	15:54	26/9/26	Thuận Châu	ĐL Thuận Châu Cải tạo đường dây trung thế từ 2 pha lên 3 pha từ VT 106/162 - TBA Huổi Bú, Thay MBA 2 pha thành MBA 3 pha. Thay thế đầu cốt các LBS 375-7/159/2 Mường Khiêng; LBS 375-7/177/2 Phấn Cướm; LBS 375-7/13/2 Huổi Pản; LBS 375-7/199/5 Co Phương;LBS 375-7/106/201 Co Khiết, VSCN Đ/d từ VT 106/177 đến VT 106/253; Kết hợp Thay công tơ TBA Pá Sang, Huổi Tát, Khôm Hạ.	KH
45	Tách đ/d PĐ 375/106/35 Bản Sang từ CDPT 375-7/106/35 Bản Sang - TBA Huổi Tát.	6:30	10:00	6:44	11:47	26/9/26	Thuận Châu	ĐL Thuận Châu 'Cải tạo đường dây trung thế từ 2 pha lên 3 pha từ VT 106/147 - TBA TBA Bản Nhóc 2. Thay MBA 2 pha thành MBA 3 pha kèm theo TPP và các thiết bị.	KH

								Thay thế đầu cốt các LBS 375-7/132/1 Nong Bon, LBS 375-7/134 Bó Mươi; LBS 375-7/149/4 Bản Nhóc, thay BU tại LBS 375-7/149/4 Bản Nhóc; Kết hợp Thay công tơ TBA Sam Kha, Sam Kha 2, Phiêng Bù, Lót Măn.	
46	Tách Đ/d PD 377/2 Huổi Phăng từ DCL 377-7/169 Huổi Phăng ÷ CDPT 377-7/141 Nà Lòi	7:30	17:30	7:09	0:00	26/9/26	Mường La	Lắp đặt LBS tại các VT 166/1; VT 168 Lắp DCL tại các VT 166; VT 167	KH
47	Tách đ/d 476 E17.1 Mộc Châu từ CDPT 476-1/5 TK Cơ Quan → CDPT 472-1/5/1 TK Chè Đen → Tân Lập → Tân Hợp	7:30	10:30	7:26	10:34	26/9/26	Mộc Châu	Hiệu chỉnh DCL 476-7/77/1 Mía Đường, lắp đặt đầu nối LBS và phụ kiện tại VT 77/1. (DA năm 2026)	KH
48	Tách đ/d 476 E17.1 Mộc Châu từ DCL 476-7/25/1 Đội 26/7 → TBA Tân Cương	7:30	13:30	7:30	13:39	26/9/26	Mộc Châu	- Di chuyển TBA Tân Cương đầu nối tại VT 25/11 sang VT mới (GPMB GT)	KH
49	Đ/d 375E17.62 Mai Sơn từ sau CDPT 375-7/154/2 Tường Niệm - DCL 375-7/154/60 Đèo Chẹn	7:10	13:00	7:43	11:51	26/9/26	Mai Sơn	Thi công hotline: tách lèo VT 154/3 phục vụ tháo LBS 375-7/154/2 Tường Niệm tại VT 154/2	KH
50	Chuyển PT Đ/d PD 375/104/8 Bản Lếch TBA Thảm Phàng - LBS 382-7/113/76 Bản Thảm nhận điện đ/d 373 E17.2	7:10	15:00	7:33	15:12	26/9/26	Mai Sơn	Thi công hotline tách lèo VT 104/10 phục vụ : Tháo MC 375/104/8 Bản Lếch. Lắp đặt LBS tại VT 104/8	KH
51	Đ/d 474 E17.1 Mộc Châu →Tây Tiến	7:30	17:30	8:23	17:02	26/9/26	Mộc Châu	Vệ sinh cách điện Hotline: - Từ VT 36, VT 37/1 - VT 37/3, VT 40- VT 40/8 và các TBA: Thương Nghiệp (VT 37/3), Ngân Hàng Mộc Châu (VT 37/3/1),	Hotline

								Suối Quanh (VT 40/1A), Pó Píp (VT 40/5), Bản Áng (VT 40/8).	
52	Tách đ/d 371 E17,4 Từ DCL 371-1/41A/8 Bản Nhộp - DCL 371-7/41A/11 Bản Nhộp	9:30	14:30	8:01	15:22	26/9/26	Thuận Châu	Lắp BU điểm đo đếm tại VT 41A/10	KH
53	Đ/d 471 E17.62 Mai Sơn - TBA Tiểu Khu 2 - LBS 473-7/90 CAPCCC	9:30	12:30	9:12	11:31	26/9/26	Mai Sơn	Thi công hotline; Lắp đặt phụ kiện cầu đấu TBA Sạc Pin V-GREEN26 - Tạ Văn Phương công suất 400kVA tại VT 93. TBA Khách hàng. (Không đóng điện vào TBA)	Hotline
54	Cô lập đ/d 171 E17.3 (Mường La) - 171 A17.11 (TĐ Nậm Chiến 2), MC 171 E17.3 (Mường La)	0:00	15:00	0:02	15:30	27/9/26	XNLĐCT	XNCTSL công tác theo kế hoạch (Phục vụ thay MC 171 E17.3 (Mường La))	KH
55	Tách Đ/d 377 E17.3 từ DCL 377-7/9A/1 Tiểu Khu 5 - DCL 377-1/26 Trường Đảng ÷ DCL 377-1/60 Hua Ít ÷ DCL 377-1/28 Hua Nậm ÷ CDPT 379-7/28/1 Hua Nậm	7:25	17:30	7:12	18:02	27/9/26	Mường La	ĐL Mường La Lắp đặt LBS tại VT 9A/2. Lắp DCL tại VT 9A/3. Lắp đặt LBS tại VT 27, VT 33/7. Lắp DCL tại VT 30& VT 33/8.	KH
56	Tách Đ/d PD 375/86 Tiểu Khu 32 từ sau DCL 375-1/86 TK32 - CDPT 375-7/89 Tiểu Khu 32.	7:25	12:30	7:18	11:38	27/9/26	Mai Sơn	ĐL Mai Sơn thay thế MC 375/86 Tiểu Khu 32 (bị sự cố đã loại ra khỏi VH) bằng MC 375/104/8 Bản Lếch (tháo từ VT 104/8).	KH
57	Tách Đ/d 375E17.30 từ CDPT 375-7/84 Quyết Tiến đến VT Tách lèo 164	7:30	16:30	7:32	13:51	27/9/26	Sông Mã	ĐL Sông Mã Dự án nâng cao năng lực vận hành: Thi công tách lèo tại VT 164 (lèo TC). PV: tháo DCL 375-1/152 (Bản Nhạp), Dựng cột & lắp DCL mới tại VT 151A. Cầu đấu TBA CQT Bản Nhạp 1 tại VT 151. Cầu đấu TBA CQT Bản Khún	KH

								1 tại VT 153/24 (đóng điện VH). Kết hợp: Thay dây dẫn không đảm bảo vận hành từ 85 đến VT 86, thay sứ VT 114/7, VT 117, VT 100. Thay sứ VT 114/7, VT 117, VT 100, XLKK Đ/d và tháo ống bọc cách điện tăng cường từ VT 85-VT 150.	
58	Tách đ/d PĐ 371/31 Co Mạ từ DCL 371-7//56/1 Sênh Thàng - TBA Sênh Thàng B	7:30	17:30	7:52	17:38	27/9/26	Thuận Châu	ĐL Thuận Châu Cải tạo đường dây trung thế từ 2 pha lên 3 Pha từ VT 122/56/3 - TBA SênhThàng B; Thay MBA 2 pha lên thành MBA 3 pha kèm theo TPP và các thiết bị.	KH
59	Tách PĐ 374/25B ĐH Tây Bắc - TBA T1, T2 ĐHTB .(KH QLVH)	7:30	11:30	7:52	9:34	27/9/26	Tô Hiệu	ĐL Tô Hiệu Thí nghiệm định kỳ đo đếm trung thế tại VT 25/1.	KH
60	Khóa F79 đ/d 471 & 473 E17.1 Mộc Châu → Đội 82 (Mạch kép 471+473 E17.1 Mộc Châu).	7:30	11:30	8:00	9:20	27/9/26	Mộc Châu	ĐL Mộc Châu Vệ sinh cách điện Hotline: Tại các VT 01, 02 & từ VT 07 - VT 17.	Hotline
61	Khóa F79 MC 471/111 Tiểu Khu 1	7:30	11:30	8:01	9:36	27/9/26	Tô Hiệu	ĐL Tô Hiệu thi công hotline thay sứ pha A VT 120 và pha C VT 123	Hotline
62	Tách đ/d PĐ 375/5 Bản Ca - TBA Bãi Kia	9:00	15:30	9:29	16:56	27/9/26	Thuận Châu	ĐL Thuận Châu Lắp 2 chụp sắt tại VT 269/57/5; Lắp LBS VT 269/18; 269/57/5; Lắp DCL VT 269/17; 269/21/7; 269/52; 269/57/4; Tháo thu hồi CDPT 375-7/21/18 Bản Cà; Kết hợp thay Công tơ TBA Huổi Khem	KH
63	Khóa F79 đ/d 476 E17.2 Sơn La - Đô Thị	14:00	15:30	9:50	11:06	27/9/26	Tô Hiệu	ĐL Tô hiệu thi công hotline thay CSV pha C VT 145.	Hotline
64	Khóa F79 đ/d 475 E17.67 Sơn La 2 - Đô Thị	16:00	17:30	11:10	12:02	27/9/26	Tô Hiệu	ĐL Tô hiệu thi công hotline căng lại dây pha A bị tụt khóa VT 223.	Hotline

Phụ lục II
CHI TIẾT KẾ HOẠCH CẮT ĐIỆN TRONG TUẦN 40

STT	Đơn vị công tác	Tên thiết bị, đường dây	Thời gian dự kiến			Nội dung công việc
			Ngày	Từ giờ	Đến giờ	
1	Điện lực Mường La	Tách Đ/d PĐ 377/60 Hua Ít từ VT tách lều 87 ÷ CDPT 377-7/141 Nà Lòi ÷ TBA Lọng Bong.	28/9	6.00	18.00	Tách lều VT 87 PV: - Thay xà, lắt đặt LBS tại VT 89, VT 139, VT 140/27; Thay xà, lắp DCL tại VT 90, VT 138. - Dựng 02 cột tại VT 134A. Di chuyển tuyến đ/d từ VT 134A ÷ VT 135 phục vụ giải phóng mặt bằng thi công Nhà máy SX phao nổi và sản phẩm nhựa.
2	Điện lực MC-VH	Đ/d mạch kép 471&473 E17.1 Mộc Châu → TBA Đội 82.	28/9	07.10	17.30	Vệ sinh cách điện Hotline: Từ VT 18 → VT 26, VT 18/1 → VT 18/3, các TBA Quỹ Tín Dụng, Quỹ Tín Dụng 2, Ngân Hàng 70.
3	Điện lực PY-BY	Tách Đ/d 375 E17.5 Phù Yên Từ DCL 375-7/120/1 NM Gạch Thành An → NM Gạch	28/9	7.20	11.30	Thay thế 03 quả sứ đứng; 01 bát sứ; Lắp đặt lại 03 quả CSV, tháo bọc cách điện các vị trí sứ đỡ không đảm bảo vận hành từ VT 120/4 ÷ VT 120/17.
4	Điện lực Mường La	Tách Đ/d PĐ 377/60 Hua Ít từ DCL 377-7/87/55 Khâu Ban ÷ TBA Huổi Ban	28/9	7.25	17.30	Lắt đặt LBS tại VT 87/56
5	XNLĐCT	Đóng điện ngăn lộ 474 Trạm E17.5 Phù Yên	28/9	7.30	7.30	Đảm bảo thiết bị dự phòng tách ra < 90 ngày.
6	Điện lực TC-QN	Tách đ/d PĐ 371/31 Co Mạ từ DCL 371-7//56/1 Sênh Thành - TBA Sênh Thành B	28/9	7.35	17.30	Cải tạo đường dây trung thế từ 2 pha lên 3 Pha từ VT 122/56/3 - TBA Sênh Thành B; Thay MBA 2 pha bằng MBA 3 pha kèm theo TPP và các thiết bị
7	Điện lực SM-SC	Đ/d PĐ 375/152 Bản Nhạp từ CDPT 375-7/191/1 Chiềng Cang → TBA Hua Tát	28/9	07.40	13.30	Dựng cột 191/34A & câu đầu TBA CQT Kẽ Tre tại giữa khoảng cột VT 191/34 - 191/35 (Dự án nâng cao năng lực vận hành)
8	Điện lực MS-YC	Bổ Sung; Tách Đ/d 371E17.66 Yên Châu từ DCL 371-7/22/3 Gạch Tuynel - TBA Nhà Máy Gạch Tuynel	28/9	7.45	9.15	Thay công tơ 3 pha đo đếm trung thế tại VT 15/22/3 của Nhà Máy Gạch Tuynel
9	Điện lực MS-YC	Bổ Sung; Tách Đ/d PĐ 373/113/64 Nậm Rạng từ DCL 373-7/131A/1 Trạm Sạc Kim Chung -	28/9	7.50	9.20	Thay công tơ 3 pha đo đếm trung thế tại VT 113/131A/6 của TBA Trạm Sạc Kim Chung

		TBA Trạm Sạc Kim Chung				
10	Điện lực Tô Hiệu	Đ/D PD 473/1 Hua La đến 473/47 Bó Cầm.	28/9	07.50	09.00	Thi công Hotline: Thay 01 sứ đỡ lèo pha C có hiện tượng phóng điện phía nguồn vào LBS 473-7/159/21 Bản Pọng (tại VT 159/21).
11	Điện lực Tô Hiệu	Đ/D PD 478/72 Ka Láp đến TBA Chiềng Ngần 1.	28/9	09.30	11.30	Thi công Hotline: Tách tiếp địa chân đế CSV đang đấu chum thành 03 dây riêng biệt tại TBA UBX Chiềng Ngần (VT 122/1).
12	Điện lực TC-QN	Đ/d PD 373/173 A Mường Giàng - LBS 373-7/239 Huổi Cửa	28/9	9.30	14.30	Thi công Hotline: Lắp LBS tại VT 198/4
13	Điện lực TC-QN	Đ/d PD 373/173 A Mường Giàng từ LBS 373-7/198/4 Tiều Khu 1 - DCL 373-7/198/68 Bệnh Viện	28/9	14.20	14.30	Đóng LBS 373-7/198/4 Tiều Khu 1 vào vận hành
14	Điện lực Tô Hiệu	Đ/D 476 E17.2 Sơn La từ LBS 476-7/122 ĐTH đến LBS 476-7/180 Đô Thị.	28/9	14.00	15.30	Thi công Hotline: Tách tiếp địa chân đế CSV đang đấu chum thành 03 dây riêng biệt tại TBA Tổ 8 Quyết Thắng (VT 139).
15	Điện lực Mường La	Tách Đ/d PD 375/86/3 Huổi Phày từ DCL 375-7/86/83 Bản Chang ÷ VT tách lèo 86/94.	28/9	15.00	17.00	Tách lèo 3 pha đ/d tại VT 86/94 PV: Truyền tải điện Tây Bắc 2 khắc phục bão lũ, dựng cột tại 418M đ/d 220kV Việt Trì-Sơn La đi song song với VT 86/91 đ/d 375 E17.3 Mường La. (Chuyển PT cấp điện từ VT tách lèo 86/94 ÷ MC 375/129 Bản Pàn nhận điện từ đ/d 371 E17.62 Mai Sơn)
16	Điện lực SM-SC	Tách đ/d PD 373/206 Nậm Ty từ CDPT 373-1/206 Nậm Ty → DCL 373-1/246 Nà Tông.	29/9	7.30	15.30	Tách lèo VT 208 PV. Thay thế MC 373/206 Nậm Ty, thay tủ điều khiển và phụ kiện tại VT 206. (Dự án đa chia đa nối)
17	Điện lực MC-VH	Đ/d mạch kép 471&473 E17.1 Mộc Châu → TBA Đội 82.	29/9	07.30	17.30	Vệ sinh cách điện Hotline: Các VT 27 → VT 28, TBA Bệnh Viện 2.
18	Điện lực PY-BY	Tách Đ/d 373 E17.5 → DCL 373-7/84 Suối Sập	29/9	7.30	11.30	Thay xà, nâng chụm, Cầu đấu TBA Tân Lập 180kVA (XDM) tại VT 11/2;

						XLKK Đ/d: thay 10 quả sứ đứng, 06 bát sứ thủy tinh, tháo bọc cách điện các vị trí sứ đỡ không đảm bảo vận hành từ VT 08 ÷ VT 83.
19	Điện lực Mường La	- Tách Đ/d 379 E17.3 ÷ CDPT 379-7/28/1 Hua Nậm ÷ TD TTD Huổi Quảng. - Tách Đ/d 381 E17.3 ÷ CDPT 381-7/85/1 Huổi Phăng ÷ DCL 381-7/150 T10	29/9	7.30	17.30	Lắp đặt LBS tại các VT 83; VT 94A; VT 105; Lắp DCL tại các VT 84; VT 93; VT 104
20	Điện lực TC-QN	Đ/d PD 373/173 A Mường Giàng - LBS 373-7/239 Huổi Cửa	29/9	7.30	14.30	Thi công Hotline: Lắp LBS, DCL tại VT 197
21	Điện lực TC-QN	Đ/d PD 373/173A Mường Giàng từ LBS 373-7/197 Pom Mường - DCL 373-7/198/68 Bệnh Viện	29/9	14.20	14.30	Đóng LBS 373-7/197 Pom Mường; DCL 373-1/197 vào vận hành
22	Điện lực MC-VH	Đ/d 471&473 E17.1 Mộc Châu → Đội 82 (Mạch kép 471+473 E17.1 Mộc Châu)	30/9	07.30	17.30	Vệ sinh cách điện Hotline: Từ VT 39 - VT 49. và TBA: Công Đoàn 4 (VT 39)
23	Điện lực Tô Hiệu	Đ/D PD 471/111 TKI đến MC 471/178 Ngã Ba Bản Cọ.	30/9	07.30	08.00	Thi công Hotline: Lắp thiết bị đuổi chim tại đầu TBA Sở Công An Cũ (VT 161).
24	Điện lực Tô Hiệu	Đ/D 473 E17.67 Sơn La 2 đến MC 476/181 Hoa Ban đến TBA Bản Mòn.	30/9	08.15	10.30	Thi công Hotline: - Lắp thiết bị đuổi chim tại đầu các TBA: Dược Phẩm (VT 178/4/1); Trường Y (VT 181); Mường La (VT 197/1); - Bắt bổ sung khóa cóc chống tụt cho giáp níu pha C tại VT 233.
25	Điện lực Tô Hiệu	Đ/D PD 471/111 TKI từ LBS 471-7/146/2 Bó Phứa đến DCL 471-7/146/39 TG 2/9. (đang nhận điện lộ 476 E17.2 Sơn La).	30/9	14.00	14.30	Thi công Hotline: - Bắt bổ sung khóa cóc chống tụt cho giáp níu pha B tại VT 146/35/3.
26	Điện lực Tô Hiệu	Đ/D PD 473/161 Nà Coóng đến MC 473/1 Hua La đến LBS 473/142 Giảng Lắc. (đang nhận điện 477 E17.67 Sơn La 2).	30/9	15.00	17.30	Thi công Hotline: - Lắp thiết bị đuổi chim tại đầu các TBA: Giảng Lắc (VT 146/2); Xã Cơi 2 (VT 152/1).
27	Điện lực MC-VH	Đ/d 471&473 E17.1 Mộc Châu → Đội 82 (Mạch kép 471+473 E17.1 Mộc Châu)	01/10	07.30	17.30	Vệ sinh cách điện Hotline: Từ VT 50 - VT 59. và các TBA: TBA Công Đoàn 2 (VT 52/1)

28	Điện lực MC-VH	Đ/d 471&473 E17.1 Mộc Châu → Đội 82 (Mạch kép 471+473 E17.1 Mộc Châu)	02/10	07.30	17.30	Vệ sinh cách điện Hotline: Từ VT 60 - VT 71. và các TBA: Km 73 (VT 62); Đốc 75 (VT 70)
29	Điện lực PY-BY	Tách Đ/d PĐ 375/453/6 Bản Cải Từ DCL 375-1/395/1 Bản Lăn → Han 4	02/10	7.30	13.30	Thay thế 05 quả sứ bị phóng điện, tháo bọc cách điện các vị trí sứ đỡ từ VT 395/30 ÷ VT 395/48 Di Chuyển TBA Han 2 Từ VT 395/48/1 về VT 395/40
30	Điện lực TC-QN	Tách Đ/d PĐ 375/86/6 Phiêng Chanh từ DCL 375-1/86/36 Bản Dẹ - TBA Bản Hán	02/10	7.30	10.30	Lắp giàn giáo, bọc các điện dây dẫn tại VT 86/58 - VT 86/59; VT 86/69 - VT 86/71; VT 86/71 - VT 86/72 - VT 86/73; phục vụ thi công ĐZ 220 kV Giao chéo ĐZ 35kV
31	Điện lực Mường La	- Tách Đ/d 379 E17.3 ÷ CDPT 379-7/28/1 Hua Nậm ÷ TD TTD Huội Quảng. - Tách Đ/d 381 E17.3 ÷ CDPT 381-7/85/1 Huổi Phăng ÷ DCL 381-7/150 T10	02/10	7.30	17.30	- Lất đặt LBS tại các VT 27; VT 42; VT 56; Lắp DCL tại các VT 26; VT 41; VT 55. - Công ty TĐ Huội Quảng-Bản Chát: Kiểm định thiết tại DCL 381-7/148/1 Cửa nhận nước; Sửa chữa bảo dưỡng thiết bị tại TC 379/105 Huổi Quảng. - Công ty CP đầu tư TĐ Hua Trai: Thay 03 sợi cáp 35kV đầu nối đầu tuyến Thủy điện Hua Trai 4 tại VT 65 đ/d 379, 381 E17.3 Mường La. - Đầu nối đ/d cấp điện cho 02 TBA 2x2500kVA và TBA 400KvA Sản xuất phao nổi và sản phẩm nhựa vào VT 62 đ/d 379 E17.3 Mường La. (Cấp điện đến DCL đầu nhánh mới XD, không đưa MBA vào VH)
32	Điện lực MC-VH	Đ/d 471&473 E17.1 Mộc Châu → Đội 82 (Mạch kép 471+473 E17.1 Mộc Châu)	03/10	07.30	17.30	Vệ sinh cách điện Hotline: Từ VT 72 - VT 84.
33	Điện lực TC-QN	Tách đ/d PĐ 373/173 A Mường Giàng từ CDPT 373-7/197 Pom Mường - LBS 373-7/239 Huổi Cửa	03/10	7.30	14.30	Lắp DCL VT 198/3; 209; 210; VT 236;
34	Điện lực TC-QN	Tách đ/d PĐ 375/285 Bản Đông từ DCL 375-7/362 Lọng Đán - DCL 373-1/239 Huổi Cửa - DCL 375-7/381 Phiêng Lanh	03/10	7.30	14.30	Lắp DCL VT 379: VT 353; Lắp LBS; DCL VT 380; Thay MC 375/381; Kết hợp lắp chụp nâng cao khoảng cách pha đất Từ VT 326 đến VT 327

35	Điện lực Tô Hiệu	Tách Đ/d 477 E 17.67 Sơn La 2: - Từ LBS 431-3 T4(Tủ RMU số 4 Quàng Trường) đến MBA T4 Quàng Trường.	03/10	07.30	12.00	Thí nghiệm, kiểm định lại MBA T4+T5 Quàng Trường - để đảm bảo cấp điện phục vụ lễ hội cà phê của Tỉnh.
36	Điện lực Tô Hiệu	Đóng Đ/d 477 E 17.67 Sơn La 2: - Từ LBS 431-3 T4 (Tủ RMU số 4 Quàng Trường) đến MBA T4 Quàng Trường; - Từ LBS 431-3 T5(Tủ RMU số 5 Quàng Trường) đến MBA T5 Quàng Trường.	03/10	11.30	12.00	Đóng điện MBA T4, T5 sau khi: Thí nghiệm, kiểm định lại MBA T4+T5 xong.
37	Điện lực TC-QN	Tách Đ/d PĐ 375/381 Phiêng Lanh - TBA Nà Mùn 2 - DCL 371-7/15 LL 375 E17.4	04/10	7.30	12.30	Tháo thu hồi CDPT 375-7/409 Nậm Uôn; thay CDPT 375-7/442 Bản Tậu; CDPT 375-1/4 Hua Cầu; CDPT 375-1/5 Co Lúu; CDPT 375-1/480 Bản Cút; CDPT 375-1/512 Bản Giôn thành DCL; Lắp LBS VT 443; lắp DCL VT 420.